TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2026/DS-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Lư Văn Sĩ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Hồng L

Trú tại: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo uỷ quyền của Bà Dương Thị Hồng L: Bà Lê Nguyễn Hoài T (văn bản uỷ quyền ngày 02/3/2026) (có mặt)

Trú tại: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị Bé S (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Bà Dương Thị Hồng L và bà Đoàn Thị Bé S là bạn bè quen biết. Ngày 08/8/2024, bà L và bà Bé S có ký Hợp đồng vay tiền với nhau, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công

chứng Nguyễn Thị Yến N. Theo hợp đồng, bà L cho bà Bé S vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay tiền là 02 năm. Các bên đã giao và nhận đủ số tiền trên. Ngoài ra, giữa bà L và bà Bé S có viết giấy cam kết (có văn bản riêng) với nội dung bà Bé S sẽ trả mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 08/8/2024 bà Bé S sẽ trả cho bà L. Quá trình vay bà S có thanh toán cho nguyên đơn 37.000.000 đồng, trả lãi đến ngày 02/3/2026 thì ngưng. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Bé S trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/5/2026 là 404.582.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi là 104.582.000 đồng). Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả 300.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính 20%/năm tính từ ngày 08/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 75.050.000 đồng, tổng cộng 375.050.000 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi theo quy định cho đến khi bà Bé S trả hết nợ.

Tại các lời khai của bị đơn bà Đoàn Thị Bé S trình bày: Vào ngày 08/8/2024, bà L có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay tiền là 02 năm. Việc vay tiền có làm hợp đồng. Các bên đã giao và nhận đủ số tiền trên. Ngoài ra, bà S có viết giấy cam kết cho bà L với nội dung bà S sẽ trả cho bà L mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 08/8/2024 sẽ trả, đến ngày 02/3/2026, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 37.000.000 đồng, nhưng do kinh tế khó khăn nên đến nay chưa thể trả hết được. Bị đơn thống nhất trả tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Tại phiên toà bị đơn yêu cầu được tính lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền đã vay và lãi phát sinh. Nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2024, được công chứng, thể hiện bà Dương Thị Hồng L cho bà Đoàn Thị Bé S vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm, các bên đã giao nhận đủ tiền. Ngoài hợp đồng vay tiền, bà Bé S còn có giấy cam kết về việc thanh toán cho bà L mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến

15.000.000 đồng kể từ ngày 08/8/2024. Đây là giao dịch dân sự có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 116, 117, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thống nhất trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng cho nguyên đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với tiền lãi, tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 75.050.000 đồng, lãi suất tính 20%/năm. Tại hợp đồng vay tiền và giấy cam kết ngày 08/8/2024 các bên không thoả thuận lãi suất, nguyên đơn cho rằng số tiền thoả thuận trả từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là thoả thuận lãi suất và quá trình vay bị đơn đã đóng lãi được 37.000.000 đồng. Tại phiên toà bị đơn cho rằng số tiền thoả thuận trả từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng không phải thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng bị đơn đóng lãi 37.000.000 đồng cho nguyên đơn đến ngày 02/3/2026 thì ngưng, đây là khoản tiền do các bên tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp nên Toà án không xem xét. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được hai bên có thoả thuận lãi suất, nay có tranh chấp về lãi suất thì việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm là không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trường hợp này chỉ được tính lãi suất 10%/năm. Nguyên đơn và bị đơn cho rằng bị đơn đóng lãi đến ngày 02/3/2026 thì ngưng. Do đó xác định thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ tính từ ngày 03/3/2026.

Xác định lãi suất như sau: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 03 tháng 21 ngày = 9.250.000 đồng.

Do vậy, buộc bà Đoàn Thị Bé S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Thị Hồng L tổng số tiền 309.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 9.250.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 309.250.000 x 5% = 15.462.500 đồng.

Nguyên đơn phải chịu phần án phí không được chấp nhận: 375.050.000 đồng – 309.250.000 đồng = 65.800.000 đồng x 5% = 3.290.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L.

Buộc bà Đoàn Thị Bé S phải thanh toán cho bà Dương Thị Hồng L 309.250.000 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 9.250.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bé S phải chịu 15.462.500 đồng. Bà Dương Thị Hồng L phải chịu 3.290.000 đồng, khấu trừ 9.865.500 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0006496 ngày 09/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà Dương Thị Hồng L được nhận lại 6.575.500 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND KV 14 - Cần Thơ;
- THA dân sự tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.